

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **61/2008/NĐ-CP**

Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2008

NGHỊ ĐỊNH

Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình khí tượng thủy văn ngày 02 tháng 12 năm 1994;
Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, hình thức xử phạt, mức phạt, thẩm quyền xử phạt, thủ tục xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn quy định tại Nghị định này bao gồm:

- a) Vi phạm các quy định về Giấy phép hoạt động khí tượng thủy văn;
- b) Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn;
- c) Vi phạm các quy định về phương tiện đo chuyên ngành khí tượng thủy văn;
- d) Vi phạm các quy định về cung cấp và sử dụng tư liệu lưu trữ khí tượng thủy văn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khí tượng thủy văn trên lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này hoặc các nghị định liên quan, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành

viên có quy định khác thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế đó.

2. Người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn thì bị xử phạt theo các quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Trường hợp cán bộ, công chức khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ liên quan đến lĩnh vực khí tượng thủy văn mà có hành vi vi phạm pháp luật về khí tượng thủy văn thì không xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Nghị định này mà xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật về cán bộ, công chức.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt

Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng

Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng áp dụng trong việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 6 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn là một năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện; nếu quá thời hạn trên thì không xử phạt, nhưng vẫn áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

2. Đối với cá nhân vi phạm trong lĩnh vực khí tượng thủy văn mà bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án thì bị xử phạt vi phạm hành chính về khí tượng thủy văn; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.

3. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực khí tượng thủy văn hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp nêu trên được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc kể từ thời điểm chấm dứt hành vi cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 6. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn nếu quá một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết hiệu lực thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 7. Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn là 30.000.000 đồng.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn Giấy phép hoạt động báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ và Giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng (sau đây gọi chung là Giấy phép hoạt động khí tượng thủy văn);

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn.

3. Ngoài các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;
- b) Buộc rời khỏi khu vực công trình khí tượng thủy văn;
- c) Các biện pháp khắc phục hậu quả khác được quy định tại Chương II Nghị định này.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC PHẠT

Điều 8. Vi phạm quy định về Giấy phép hoạt động khí tượng thủy văn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Thực hiện không đúng một trong những nội dung ghi trong giấy phép;
- b) Thay đổi trụ sở cơ quan được cấp giấy phép mà không thông báo với cơ quan quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Thực hiện không đúng những nội dung ghi trong giấy phép;
 - b) Thực hiện các hoạt động khí tượng thủy văn khi giấy phép đã hết hạn.
3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành

vi sau:

- a) Sửa chữa, tẩy xóa giấy phép;
- b) Tự ý thay đổi vị trí công trình ghi trong giấy phép.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi tiến hành các hoạt động khí tượng thủy văn mà không có giấy phép theo quy định.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép từ 90 ngày đến 180 ngày đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt, phải hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị cơ quan cấp giấy phép xem xét sửa đổi hoặc cấp mới đối với các hành vi quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 9. Vi phạm các quy định về đưa tin dự báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi đưa tin dự báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ trên các phương tiện thông tin đại chúng mà không nêu nguồn gốc cấp tin.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi đưa tin dự báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không phải là nguồn thông tin chính thức.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi làm sai lệch nội dung bản tin dự báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ do cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

Điều 10. Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi gây cản trở việc khai thác, sử dụng các công trình khí tượng thủy văn.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xây dựng công trình, trồng cây làm ảnh hưởng đến hành lang an toàn kỹ thuật của công trình khí tượng thủy văn;

b) Đắp đập, làm cống xả nước, cắm đặng đó đánh bắt thủy sản, đào bới lòng sông hoặc hai bên bờ thuộc phạm vi hành lang an toàn kỹ thuật của công trình thủy văn, làm cản trở việc quan trắc, đo đạc hoặc làm biến đổi tính tự nhiên của các yếu tố khí tượng thủy văn cần đo đạc.

3. Đối với hành vi lấn chiếm đất thuộc phạm vi công trình khí tượng thủy văn thì hình thức và mức xử phạt theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 10 Nghị định số 182/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành

chính trong lĩnh vực đất đai.

4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Va đập làm ảnh hưởng đến thiết bị và công trình thủy văn, hải văn;

b) Neo đậu các phương tiện vận tải thủy vào công trình quan trắc thủy văn, hải văn.

5. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi dịch chuyển trái phép các mốc độ cao công trình khí tượng thủy văn.

6. Phạt tiền tương ứng với tỷ lệ 40% giá trị của thiết bị và công trình đối với hành vi làm hỏng thiết bị và công trình khí tượng thủy văn, nhưng không quá 30.000.000 đồng.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với các hành vi quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 và khoản 6 Điều này;

b) Buộc rời khỏi khu vực công trình đối với người và phương tiện vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về phương tiện đo chuyên ngành khí tượng thủy văn

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng phương tiện đo trên mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng mà chưa được cơ quan có thẩm quyền kiểm định;

b) Sử dụng phương tiện đo trên mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng đã hết hạn ghi trong giấy phép kiểm định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng phương tiện đo trên mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo dấu kiểm định, tem kiểm định hoặc phiếu kiểm định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Hình thức phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Trong thời gian 01 tháng, kể từ ngày ra quyết định xử phạt, phải thay thế phương tiện đo đúng tiêu chuẩn quy định đối với các hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về cung cấp, sử dụng tư liệu lưu trữ khí tượng thủy văn

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi cố ý làm hư hỏng tư liệu lưu trữ khí tượng thủy văn.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp tư liệu lưu trữ khí tượng thủy văn không đúng thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng tư liệu khai thác từ công trình khí tượng thủy văn cơ bản mà chưa được Bộ Tài nguyên và Môi trường đăng ký và đánh giá chất lượng để lập, xét duyệt và thực hiện các đề án, dự án quy hoạch tổng thể, thiết kế công trình của các ngành, địa phương, tổ chức kinh tế bằng bất kỳ nguồn vốn nào;

b) Sử dụng tư liệu khí tượng thủy văn do các sở lưu trữ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý mà không được cơ quan có thẩm quyền cấp.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi làm mất tư liệu lưu trữ khí tượng thủy văn.

5. Hình thức phạt bổ sung: tịch thu tang vật đối với hành vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả: khôi phục lại tư liệu lưu trữ khí tượng thủy văn đối với các hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này.

Chương III **THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT**

Điều 13. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn;

d) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép hoạt động khí tượng thủy văn do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn;

đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

Điều 14. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra chuyên ngành về tài nguyên và môi trường

1. Thanh tra viên chuyên ngành về tài nguyên và môi trường đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn có giá trị đến 2.000.000 đồng;

d) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

2. Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép hoạt động khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn;

đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

3. Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép hoạt động khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn;

đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

Điều 15. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về khí tượng thủy văn của các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức thanh tra nhà nước chuyên ngành

Ngoài những người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 13 và Điều 14 Nghị định này, những người có thẩm quyền xử phạt theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính nếu phát hiện thấy các hành vi vi phạm hành chính quy định trong Nghị định này mà thuộc lĩnh vực và địa bàn quản lý của mình thì có quyền xử phạt nhưng phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 16. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn được áp

dụng theo các quy định tại Chương VI Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Chương IV Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 17. Tước quyền sử dụng giấy phép

1. Khi quyết định tước quyền sử dụng Giấy phép hoạt động khí tượng thủy văn, người có thẩm quyền phải lập biên bản, ghi rõ lý do tước quyền sử dụng giấy phép theo các nội dung quy định tại Điều 59 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, đồng thời phải buộc đình chỉ hoạt động.

Việc tước quyền sử dụng giấy phép chỉ được thực hiện khi có quyết định bằng văn bản của người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 13, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Nghị định này. Quyết định phải gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử lý, đồng thời thông báo cho cơ quan đã cấp giấy phép đó biết.

Người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 13 Nghị định này có quyền đề nghị cơ quan cấp Giấy phép hoạt động khí tượng thủy văn thu hồi giấy phép.

2. Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn đối với các vi phạm lần đầu, có thể khắc phục được. Khi hết thời hạn ghi trong quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt phải trả lại giấy phép cho tổ chức, cá nhân được sử dụng giấy phép.

3. Tước quyền sử dụng giấy phép không thời hạn áp dụng đối với các trường hợp sau:

- a) Giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền;
- b) Giấy phép có nội dung trái với quy định về hoạt động khí tượng thủy văn;
- c) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động khí tượng thủy văn.

Chương IV KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 18. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt của người có thẩm quyền.

Công dân có quyền tố cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền những hành vi trái pháp luật về xử phạt hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn.

2. Thủ tục khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định tại Điều 118 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Việc khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn được thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

Điều 19. Xử lý đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn mà sách nhiễu, dung túng, bao che cho người vi phạm, không xử phạt hoặc xử phạt không đúng mức, không kịp thời, xử phạt vượt thẩm quyền, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại cho Nhà nước, cá nhân, tổ chức thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Xử lý vi phạm đối với người bị xử phạt vi phạm hành chính

Người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn nếu có hành vi chống người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành hoặc có những hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 22. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
(Đã ký)

Nguyễn Tấn Dũng